TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 1
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐA NHIM - HÀM THUẬN - ĐA MI

Số: 64/TB-TĐĐHĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Lâm Đồng, ngày 23 tháng 02 năm 2022

THÔNG BÁO
Về việc lựa chọn Tổ chức đấu giá tài sản

Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi (Công ty DHD), địa chỉ 80A Trần Phú, phường Lộc Sơn, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng, có tài sản phải bán thông qua thủ tục đấu giá theo quy định của pháp luật là các loại tài sản như: Xe ô tô, mô tô, vật tư thiết bị và tài sản cố định (Bảng kê chi tiết tài sản tại Phụ lục đính kèm).

Ghi chú: Người mua trúng đấu giá có trách nhiệm tự thực hiện việc đăng ký quyền sử dụng và quyền sở hữu theo quy định.

Giá khởi điểm tài sản: 254.541.174 đồng (Hai trăm năm mươi bốn triệu, năm trăm bốn mươi mốt nghìn, một trăm bảy mươi bốn đồng), bao gồm 02 lô như sau:

Lô 1: Vật tư thiết bị và tài sản cố định thanh lý; giá khởi điểm: 124.646.629 đồng.

Lô 2: Các loại xe mô tô, ô tô thanh lý; giá khởi điểm: 129.894.545 đồng.

(Giá trên đã bao gồm thuế giá trị gia tăng 8%)

Căn cứ Điều 56 Luật Đấu giá tài sản, Công ty DHD thông báo công khai việc lựa chọn Tổ chức đấu giá để thực hiện đấu giá tài sản trên theo quy định.

Công ty DHD đưa ra các tiêu chí lựa chọn Tổ chức đấu giá tài sản như sau:

1. Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá với loại tài sản đấu giá: Có chỗ để xe cho khách hàng tham gia đấu giá, có phòng đấu giá và phương tiện thực hiện cuộc đấu giá.

2. Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả, phù hợp với yêu cầu của Công ty DHD.

3. Năng lực, kinh nghiệm, uy tín của Tổ chức đấu giá tài sản: Có kinh nghiệm từ 05 (năm) năm trở lên trong hoạt động đấu giá tài sản, là đơn vị có uy tín và đã thực hiện đấu giá tài sản thành công ít nhất cho 3 đơn vị trong 3 năm gần đây.

4. Thù lao, dịch vụ, chi phí đấu giá phù hợp với quy định và phù hợp với yêu cầu của Công ty DHD.

5. Có tên trong danh sách các tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố.

Các Tổ chức đấu giá tài sản gửi hồ sơ tham gia tổ chức đấu giá theo địa chỉ: Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi (địa chỉ 80A Trần Phú, phường Lộc Sơn, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng) từ ngày 23 tháng 02 năm 2022 đến ngày 17 giờ 00 phút ngày 02 tháng 03 năm 2022 để Công ty DHD có cơ sở lựa chọn Tổ chức đấu giá phù hợp.

Công ty DHD sẽ trả lời bằng văn bản đến Tổ chức đấu giá được lựa chọn.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Thông báo trên trang web https://www.dgts.moj.gov.vn và https://www.dhd.com.vn/;
- CTHĐQT (để b/c);
- PTGĐ Đỗ Minh Lộc;
- Hội đồng thanh xử lý;
- Lưu: VT, KHVT.

Đính kèm: Phụ lục.

TỔNG GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 5800452036 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐA NHIM HÀM THUẬN ĐA MI
TP. BẢO LỘC - T. LÂM ĐỒNG

Lê Văn Quang

Phụ lục

DANH MỤC VẬT TƯ THIẾT BỊ - TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THANH LÝ

(Đính kèm Thông báo số 64/TĐĐHĐ-KHVT ngày 23 tháng 02 năm 2022 của Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi)

STT	Danh mục	ĐVT	SL	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
I	**LÔ 1: VẬT TƯ THIẾT BỊ VÀ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THANH LÝ**				
1	Sắt phế liệu	Kg	4.007,2	6.364	25.500.364
2	Đồng phế liệu	Kg	683	90.909	62.090.909
3	Nhôm phế liệu	Kg	235	22.727	5.340.909
4	Khung cửa nhôm các loại	Cái	15	45.455	681.818
5	Dụng cụ đồ nghề các loại	Lô	1	272.727	272.727
6	Tủ lạnh Sanyo 50 lít	Cái	2	45.455	90.909
7	Máy điều hòa các loại	Cái	9	90.909	818.182
8	Bình chữa cháy các loại	Cái	76	90.909	6.909.091
9	AC ammeter voltmeter/ yew 2014-00 (Đồng hồ đo dòng, áp AC) DA	Cái	1	5.455	5.455
10	Máy chụp sóng 7830HA624 YOKAGAWA, OR1400	Cái	1	5.455	5.455
11	Omniace II A1200/recorder (Máy chụp sóng) DA	Cái	1	4.545	4.545
12	Cầu đo điện trở một chiều Harris N-0009269USA	Cái	1	4.545	4.545
13	Thiết bị phân tích máy cắt Model CBA 1000 - N - 2007/14639	Cái	1	6.364	6.364
14	Máy dao động ký Fluke Scopemeter 199C/008S	Cái	1	455	455
15	Máy đo độ rung VM-83, N-11020608	Cái	1	5.455	5.455
16	Test Plug ALSTOM 398067	Cái	1	5.455	5.455
17	Test Plug ALSTOM 398068	Cái	1	4.545	4.545
18	Thiết bị kiểm chuẩn Rơle áp lực Model PPS40	Cái	1	4.545	4.545
19	Vector multi meter CDM-330 (Máy đo góc pha 0-300V max; 0-200Amax) DA	Cái	1	455	455
20	Máy đo rò rỉ khí LS780A	Cái	1	455	455
21	Máy đo rò rỉ khí N-3-033-R001	Cái	1	455	455

STT	Danh mục	ĐVT	SL	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
22	Máy đo tỷ số máy biến áp ATRT03-N-18859	Cái	1	4.545	4.545
23	Máy phát xung Model FG120-N-91HC35945	Cái	1	4.545	4.545
24	Hộp đồ nghề tải ba	Cái	1	16.364	16.364
25	Hộp đồ nghề tải ba	Cái	1	16.364	16.364
26	3P AC Generation divice mdac-5 (Máy tạo dòng, áp, Cos) DA	Cái	1	4.545	4.545
27	Máy đo tỷ số biến ATRT-03B	Cái	1	4.545	4.545
28	Máy lạnh Daikin 10HP N-6102599, 380V, 50HZ	Cái	1	3.181.818	3.181.818
29	Máy đo toàn đạc điện tử (kinh vĩ)	Cái	1	45.455	45.455
30	Máy lọc dầu 2,2KW N-J6216059, 380V	Cái	1	1.409.091	1.409.091
31	Máy lạnh Daikin 5HP Model FVY1FV1/R125FY1	Cái	1	1.636.364	1.636.364
32	Máy lạnh Daikin 5HP Model FV125LVE3/R125FUY1	Cái	1	1.636.364	1.636.364
33	Máy hàn Aristotig DTE 255 AC/DC	Cái	1	45.455	45.455
34	Máy hàn HANDY TIG DTF 180 AC/DC	Cái	1	45.455	45.455
35	Máy đo độ dày kim loại TI-14 Kawatetsu	Cái	1	455	455
36	Máy lạnh Reetech RS 120L2/RC 120L1ST	Cái	1	3.181.818	3.181.818
37	Máy vi tính xách tay Sony Vaio VGN-TZ270N/B Notebook	Cái	1	27.273	27.273
38	Máy photocopy kỹ thuật số Fuji Xerox-No.164165	Cái	1	454.545	454.545
39	Máy photocopy kỹ thuật số Fuji Xerox N-164283	Cái	1	454.545	454.545
40	Tivi Toshiba - 38 inch	Cái	1	90.909	90.909
41	Máy Photocopy Xerox Vivace 455, N-411711	Cái	1	454.545	454.545
42	Máy photocopy FUJI	Cái	1	454.545	454.545

STT	Danh mục	ĐVT	SL	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
	XEROR 450 I - N - 605716				
43	Service notebook with maintenance Softwares (Máy vi tính Dell 610) DA	Cái	1	27.273	27.273
44	Laptop and neccessary software (Máy vi tính Dell 610) DA	Cái	1	27.273	27.273
45	Máy in A3 LaserJet HP 5100TN-N-JPBD823926	Cái	1	181.818	181.818
46	Tổng đài điện tử 96 số Alcatel 4100	Cái	1	227.273	227.273
47	Máy vi tính xách tay IBM Thinkpad T43-2668-4EA-N-L3XCRGC	Cái	1	27.273	27.273
	CỘNG		(I)		***115.413.545***
	THUẾ VAT 8%		(I)		***9.233.084***
	TỔNG CỘNG (bao gồm thuế)		(I)		**124.646.629**
II	**LÔ 2: CÁC LOẠI XE MÔ TÔ, Ô TÔ THANH LÝ**				
1	Xe Toyota Hilux 1,5 tấn, BKS 49H-7295	Chiếc	1	8.181.818	8.181.818
2	Xe mô tô Suzuki BKS 85-S1-0838, 125cc	Chiếc	1	909.091	909.091
3	Xe Toyota Hiace BKS 49H-7032	Chiếc	1	14.545.455	14.545.455
4	Xe Toyota Hiace BKS 49H-7294	Chiếc	1	8.000.000	8.000.000
5	Xe Toyota Hiace BKS 49H-01919	Chiếc	1	14.545.455	14.545.455
6	Xe Ford Transit BKS 49H-9058	Chiếc	1	15.000.000	15.000.000
7	Xe Toyota Coaster BKS 49H-5486	Chiếc	1	13.636.364	13.636.364
8	Xe Mitsubishi Pajero BKS 49H-9012	Chiếc	1	45.454.545	45.454.545
	CỘNG		(II)		***120.272.727***
	THUẾ VAT 8%		(II)		***9.621.818***
	TỔNG CỘNG (bao gồm thuế)		(II)		**129.894.545**
	GIÁ TRỊ TÀI SẢN TỔNG CỘNG		(I) + (II)		**254.541.174**